

Bản án số: 06/2020/HS-PT
Ngày: 17-01-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tuấn

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Hà

Bà Nguyễn Thị Tư

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Minh Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 148/2019/TLPT-HS ngày 10 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Minh T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 37/2019/HS-ST ngày 04 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Minh T, sinh năm 1991 tại huyện M, tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: Khóm A, thị trấn N, huyện M, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hùng D và bà Phạm Thị Q; có vợ và 01 con; tiền án: Ngày 18/5/2016 bị Tòa án nhân dân huyện M xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” đến ngày 09/5/2018 chấp hành xong hình phạt tù, đến nay vẫn chưa được xóa án tích; tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 45/HS.PT ngày 05/7/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xử bị cáo 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; ngày 04/6/2013 Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh xử 02 tháng tù về tội cố ý gây thương tích; bị cáo bị bắt, tạm giam về một tội khác có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra còn có 01 bị cáo, 01 bị hại và 03 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Minh T, bị cáo Lê Công T1, Mai Trần Phúc V và Nguyễn Minh S là bạn bè với nhau. Do biết T thường mua mai kiêng để bán lại kiếm lời nên V có chụp hình cây mai vàng có chu vi gốc 45cm, chiều cao 3,2m của anh Bùi Văn L trồng ở trong vườn thuộc ấp Đ, xã B, huyện K gửi tin nhắn zalo kêu bán cho Nguyễn Minh T.

Vào ngày 11/02/2019 tại nhà của Nguyễn Minh T thuộc Khóm A, thị trấn N, huyện M, tỉnh Vĩnh Long, Nguyễn Minh T có hỏi Mai Trần Phúc V về cây mai này. V nói cây mai đó của người khác để V lấy trộm về bán lại cho T thì T đồng ý mua. Sau đó, Nguyễn Minh T bàn bạc với Mai Trần Phúc V khi nào đào trộm cây mai xong thì cho T hay để T đến cắt tỉa các nhánh mai. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, Mai Trần Phúc V, Lê Công T1 và Nguyễn Minh S mang dụng cụ để đi đào mai trộm gồm: 01 cây len loại nhỏ, 01 cây kéo cắt cành (loại kéo cắt kiêng) và 01 cây súa, đi bộ từ nhà của Nguyễn Minh T đến vườn của anh Bùi Văn L. V kêu S đi ra cây cầu đúc cách gò mả khoảng 25m để canh chừng, còn V và T1 ở lại đào trộm cây mai. Đến khoảng 21 giờ 30 phút, đào xong cây mai, V và T kêu S vào phụ đem cây mai lên khỏi mặt đất và cùng khiêng dời cây mai ra khoảng 10m. Sau đó, V nhắn tin cho T đã bứng xong cây mai và kêu T đến cắt tỉa cành mai. Khoảng 15 phút sau, V đi bộ ra cầu đúc đón T. T điều khiển xe mô tô biển số 64H8-3264 đến Miếu H gặp V, T đậu xe mô tô trên đường rồi cùng V đi bộ đến vị trí cây mai, lúc này T kêu Nguyễn Minh S ra dẫn xe mô tô biển số 64H8-3264 mà T đi, vào dựng trong khu vực gần cây mai. T biết cây mai trên là tài sản trộm cắp nên T kêu S, V và T khiêng cây mai vào chỗ khuất và canh gác để cho T cắt bỏ các nhánh mai cho gọn. Sau khi cắt xong, T nói với V mua cây mai trên với giá 1.200.000 đồng và kêu V chở cây mai về nhà của T, T sẽ trả tiền. T kêu V, S và T1 khiêng cây mai đến căn nhà bỏ hoang cách đó khoảng hơn 15m để bàn cách vận chuyển cây mai về nhà của T. V và T1 nói với T để vận chuyển cây mai về bằng phà G thì T không cho vì phà G có camera sợ bị phát hiện nên T để chiếc xe mô tô 64H8-3264 của T lại cho V, T và kêu chở cây mai về bằng phà P. Bàn tính xong T và S đi bộ về. V lấy xe mô tô 64H8-3264 của T điều khiển chở T1 ngồi phía sau ôm cây mai qua phà P. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày V chở cây mai về đến nhà của T, khoảng 30 phút sau, T và S cũng về đến. T trả trước cho V tiền mua cây mai 200.000 đồng, T còn thiếu lại số tiền 1.000.000 đồng. V chia cho T1 100.000 đồng, V giữ 100.000 đồng sau đó cả hai tiêu xài hết.

Sự việc bị phát hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K tỉnh Vĩnh Long mời Nguyễn Minh T làm việc thì T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và chỉ chỗ cất giấu cây mai. Cơ quan công an huyện K đã thu giữ cây mai nêu trên để phục vụ công tác điều tra.

Quá trình điều tra Nguyễn Minh T, Mai Trần Phúc V, Lê Công T1 và Nguyễn Minh S đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã trình bày ở trên.

Tại biên bản và kết luận định giá tài sản số 13 ngày 13/02/2019 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện K định giá cây mai vàng trị giá 1.800.000 đồng. Sau khi có kết quả định giá tài sản, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả lại tài sản cho bị hại Bùi Văn L.

- Về vật chứng: 01 cây len loại nhỏ, 01 cây kéo cắt cành (loại kéo cắt kiếng) và 01 cây sửa hiện tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đã thu giữ do vào ngày 15/5/2019 Nguyễn Minh T và Mai Trần Phúc V sử dụng bộ dụng cụ trên đi đào trộm mai của người khác trên địa bàn ấp B, xã O, huyện M, tỉnh Vĩnh Long bị Công an huyện M, tỉnh Vĩnh Long phát hiện bắt quả tang.

- Về phương tiện xe mô tô biển số: 64H8-3264 mà Nguyễn Minh T đưa cho đồng bọn sử dụng làm phương tiện vận chuyển tài sản trộm về nhà của T, đây là tài sản của ông Nguyễn Hùng D (là cha ruột của T) đứng tên đăng ký chủ sở hữu, việc T sử dụng xe mô tô trên để đi trộm cắp tài sản, ông D hoàn toàn không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K lập biên bản giao trả ông Nguyễn Hùng D.

- Về trách nhiệm dân sự: Anh Bùi Văn L đã nhận lại cây mai vàng không yêu cầu bồi thường.

Hành vi của Mai Trần Phúc V và Nguyễn Minh S chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm trộm cắp tài sản (cây mai vàng của anh Bùi Văn L, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện K định giá 1.800.000đ không đủ định lượng). Hành vi của V và S đã vi phạm vào Điểm a Khoản 1 Điều 15 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với V và S theo luật định.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 37/2019/HS-ST ngày 04 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Minh T và Lê Công T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt.

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Công T1 01 (một) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí, việc thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07 tháng 10 năm 2019 bị cáo Nguyễn Minh T kháng cáo yêu cầu được giảm nhẹ một phần hình phạt. Tại phiên tòa bị cáo T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hoạt động tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng vì vậy các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Minh T thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như bản án sơ thẩm đã xử. Xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại trong vụ án cùng các chứng cứ khác do cơ quan Cảnh sát Điều tra và Viện kiểm sát đã thu thập được, vì vậy có đủ căn cứ kết luận vào khoảng 17 giờ 30 phút ngày 11/02/2019, Nguyễn Minh T, Mai Trần Phúc V, Lê Công T1 và Nguyễn Minh S mang dụng cụ gồm: 01 cây len loại nhỏ, 01 cây kéo cắt cành (loại kéo cắt kiếng) và 01 cây sừa, đến vườn nhà của anh Bùi Văn L trộm cắp cây mai trị giá 1.800.000 đồng. Tuy tài sản bị cáo T chiếm đoạt dưới 2000.000 đồng nhưng bị cáo T trước đây đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án bị cáo T và bị cáo T1 phạm tội trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Nhận thấy hành vi của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự ở địa phương. Trong vụ án bị cáo T và bị cáo T1 là đồng phạm nhưng bị cáo T là người chủ mưu, bị cáo cung cấp dụng cụ thể thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo dùng phương tiện của gia đình bị cáo để chở cây mai, cắt tỉa cành, mua lại cây mai, bàn tính việc đi phà không có gắn camera để không bị phát hiện, nhân thân bị cáo T đã bị kết án nhiều lần nhưng vẫn không chịu cải sửa, ngoài lần phạm tội này bị cáo còn đang bị bắt giam về tội phạm khác, vì vậy mức hình phạt của bị cáo T phải cao hơn so với bị cáo T1 trong vụ án là có căn cứ. Bản án sơ thẩm đã xem xét toàn diện các tình tiết trong vụ án, xử bị cáo T với mức hình phạt 01 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản là cần thiết đáp ứng yêu cầu giáo dục và phòng ngừa. Vì vậy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[4] Về án phí: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm, bị cáo T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Tại phiên tòa vị Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết đối với vụ án và đề nghị căn cứ Khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo T và giữ nguyên bản án sơ thẩm, xử phạt bị cáo T 01 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, áp dụng đúng quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Minh T và giữ nguyên phần hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2019/HS-ST ngày 04 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm b Khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm về xử phạt bị cáo T1, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC: 01b;
- VKSND TVL: 02b;
- Chánh án: 01b;
- TANDHK: 01b;
- THADSHK: 02b;
- Sở Tư pháp: 01b;
- Trại tạm giam: 01b;
- CQCSĐT Công an huyện K: 01b;
- Bị cáo: 01b;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án: 04b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Tuấn